

Bản án số: 121/2024/DS-ST

Ngày: 16-8-2024.

V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VINH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Triệu Lát;
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khiết Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vinh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vinh Châu tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vinh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 121/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn N, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số 190 ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm: 1996; Địa chỉ: Số 180 đường B, Khóm H, Phường M, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Theo giấy ủy quyền ngày 23/02/2024 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lý T1, sinh năm: 1957 và bà Trà Thị N2, sinh năm: 1965.

Cùng địa chỉ: Số 120, ấp G, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn N cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, do ông Nguyễn Tiến T đại diện trình bày:*

Khoảng vào năm 2022 - 2023, ông N có bán thức ăn tôm cho vợ chồng ông Lý T1, bà Trà Thị N2. Việc mua bán có lập sổ theo dõi mua bán. Đến ngày 06/7/2023 âm lịch (nhằm ngày 21/8/2023), sau khi chốt nợ và lập Bảng tổng công nợ thì vợ chồng ông T1, bà N2 thừa nhận còn nợ ông N tổng số tiền mua thức ăn tôm là 290.275.000 đồng và ông T1 có ký xác nhận vào Bảng tổng công nợ. Tuy nhiên đến nay ông T1, bà N2 vẫn chưa trả số tiền thức ăn còn nợ cho ông N, mặc dù ông N đã nhiều lần liên hệ nhưng ông T1, bà N2 chỉ hứa hẹn, không thực hiện trả nợ.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Tiến T đại diện cho ông Dương Văn N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lý T1 và bà Trà Thị N2 liên đới thanh toán tiền nợ cho ông Dương Văn N là 290.275.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 0,83%/tháng đối với số tiền trên từ ngày 21/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Đối với bị đơn ông Lý T1 và bà Trà Thị N2:*

Trong quá trình giải quyết vụ án không phản đối, không phản tố, không yêu cầu gì khác trong vụ án và không tham gia tố tụng mặc dù đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa các bị đơn ông Lý T1 và bà Trà Thị N2 vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho các bị đơn; Ông T đồng ý xét xử vắng

mặt các bị đơn nên sau khi hội ý tại chỗ, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn (có kèm theo tài liệu, chứng cứ là bản gốc Bảng xác nhận công nợ lập ngày 06/7/2023 âm lịch (nhằm ngày 21/8/2023) có chữ ký và chữ viết họ tên ông Lý T1, cùng lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn tại phiên tòa có đủ căn cứ để chứng minh rằng các bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 290.275.000 đồng là đúng sự thật. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn không phản đối, không phản tố, không yêu cầu gì khác và không tham gia tố tụng mặc dù đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nên căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các bên đương sự không cần phải chứng minh.

Việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 21/8/2023 đến ngày 16/8/2024 là 11 tháng 25 ngày với lãi suất 0,83%/tháng/290.275.000 đồng với số tiền 28.509.827 đồng, bị đơn không phản đối và yêu cầu này phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

[3] Từ những phân tích ở Mục [2] là có căn cứ để buộc ông Lý T1 và bà Trà Thị N2 cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho ông Dương Văn N tổng số tiền còn nợ là 318.784.827 đồng là phù hợp với quy định tại các điều 357, 430, 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi tiếp theo kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến ngày bản án có hiệu lực nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên các bị đơn phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn ông Dương Văn N không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 430, 440 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn N.

Buộc ông Lý T1 và bà Trà Thị N2 cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho ông Dương Văn N số tiền là 318.784.827 đồng (*Ba trăm mười tám triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày ông Dương Văn N có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên thì hàng tháng ông Lý T1 và bà Trà Thị N2 phải cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho ông Dương Văn N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Lý T1 và bà Trà Thị N2 phải cùng liên đới có nghĩa vụ chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.939.241 đồng (*Mười lăm triệu chín trăm ba mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi một đồng*).

- Ông Dương Văn N không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Dương Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.618.250 đồng (*Bảy triệu sáu trăm mười tám nghìn hai trăm năm mươi đồng*) theo biên lai thu số 0004794 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày

kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết

hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình